|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH LẠNG SƠN  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: /TTr-SGDĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2024* |

# TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) trân trọng trình Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030 (sau đây gọi là Nghị quyết), như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở pháp lý**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 có mục tiêu: *“Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phấn đạt 90% và 80% vào năm 2030” và giải pháp về thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học:“Xây dựng hướng dẫn, tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi, vùng, miền và bảo đảm đa dạng thực phẩm (đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường). Ban hành các quy định nhằm hạn chế học sinh tiếp cận với các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe…”.*

Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản giai đoạn 2018-2025”;

Quyết định số 3000/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên Việt Nam;

Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025, trong đó điểm 3, khoản 3, mục III, điều 1 có nêu: “*60% trường học có tổ chức bữa ăn học đường sử dụng sữa và các sản phẩm từ sữa trong bữa ăn học đường đạt chuẩn theo quy định”.*

**2. Cơ sở thực tiễn**

Chương trình Sữa học đường năm học 2022-2023 đã được thực hiện tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trường tiểu học và trung học cơ sở công lập trên địa bàn toàn tỉnh, gồm 232 trường mầm non, 244 trường tiểu học *(trong đó có hơn 210 điểm trường có điều kiện đi lại khó khăn được cung cấp sữa tới phòng lưu trữ tại điểm trường)*.

*2.1. Công tác cung cấp sữa cho Chương trình Sữa học đường năm học 2021-2022, 2022-2023*

Sữa cung cấp cho Chương trìnhđảm bảo cung cấp hàng hóa đảm bảo chất lượng và yêu cầu theo đúng các quy định tại Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế; Sữa dùng cho Chương trình được vận chuyển, giao đến tận kho bảo quản của 476 trường và 210 các điểm trường cách xã điểm trường chính có nhu cầu hỗ trợ vận chuyển.Số lượng hộp sữa đã cung cấp cho chương trình: 6.651.645 hộp, trong đó:

- Loại Sữa tươi tiệt trùng có đường nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi – học đường, 110ml/hộp: **4,262,717** hộp;

- Loại Sữa tươi tiệt trùng có đường nhãn hiệu Vinamilk 100% sữa tươi – học đường, 180ml/hộp: **2,388,928** hộp).

Việc thực hiện Chương trình Sữa học đường kết hợp với bữa ăn học đường, hiệu quả từ công táctruyền thông, giáo dục và tư vấn về dinh dưỡng, cách chăm sóc sức khỏe trẻ em tại gia đình và kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em trong trường học cho giáo viên, nhân viên y tế trường học và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ trên địa bàn tỉnh giúp giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại các trường triển khai Chương trình Sữa học đường, cụ thể :

- Đối với trẻ mầm non: Cuối năm học 2022-2023, Sở GDĐT thực hiện đánh giá kết quả về chăm sóc, nuôi dưỡng đối với trẻ mầm non nhận thấy tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm so với đầu năm học.

**Biểu số liệu thể hiện kết quả về chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cấp Mầm non năm học 2022-2023 của phòng GDĐT các huyện, thành phố**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số** | **Đầu năm học 2022-2023** | **Cuối Năm học**  **2022 - 2023** | **So sánh**  **tăng (+), giảm (-)** |
| **So với đầu năm học** |
| 1. Tổng số trường mầm non | 232 | 232 | 0 |
| 2. Tổng số trẻ MN ra lớp | 52.769 | 54.916 | + 2147 |
| Trong đó: - Trẻ nhà trẻ | 10.584 | 12.494 | + 1910 |
| % Tỷ lệ huy động NT | 39,4 | 45,3 | + 5,9 |
| - Trẻ mẫu giáo | 42.185 | 42.422 | + 237 |
| % Tỷ lệ huy động MG | 97,2 | 99,1 | + 1,9 |
| - Riêng trẻ 5 tuổi | 14.701 | 14,716 | + 15 |
| % Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi | 99,1 | 99,9 | + 0,8 |
| 3. Trường MN bán trú, 2 buổi/ngày | 232 | 232 | 0 |
| 4. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân | |  |  |
| Tổng số | 11,2 | 2,2 | + 9,0 |
| - Trẻ Nhà trẻ | 13,5 | 3,0 | - 10,5 |
| - Trẻ Mẫu giáo | 10,6 | 2,0 | - 8,6 |
| - Riêng trẻ 5 tuổi | 8,7 | 1,0 | - 7,7 |
| 5. Tỷ lệ % trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi | |  | |
| Tổng số | 10,9 | 2,6 | - 8,3 |
| - Trẻ Nhà trẻ | 14,7 | 3,5 | - 11,2 |
| - Trẻ Mẫu giáo | 10,0 | 2,3 | - 7,7 |
| - Riêng trẻ 5 tuổi | 7,6 | 1,1 | - 6,5 |

- Đối với học sinh cấp tiểu học:Sở GDĐT thực hiện đánh giá được hiệu quả thực hiện Chương trình thông qua việc học sinh được giáo dục về vai trò quan trọng của chế độ dinh dưỡng, hình thành thói quen tốt như uống sữa mỗi ngày, đúng giờ để hỗ trợ tăng cường thể chất, trí tuệ. Đồng thời, các em cũng được nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung và bảo vệ môi trường thông qua việc gấp vỏ hộp gọn gàng sau khi uống sữa để dễ thu gom, tự giác bỏ vào thùng rác đúng quy định...*;* 100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới. Theo đánh giá tại báo cáo của Phòng GDĐT các huyện, thành phố các em học sinh có đăng ký uống sữa nhận thấy các em đều có sự tăng trưởng chiều cao và cân nặng.

**BIỂU ĐỒ 02**

Căn cứ số liệu tổng hợp của phòng GDĐT các huyện, thành phố có thể nhận thấy Chương trình Sữa học đường thực hiện trong năm học 2022-2023 đã góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng của học sinh tiểu học thông qua hoạt động cho trẻ em uống sữa nhằm giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực của trẻ.

*2.2. Đánh giá việc thực hiện kinh phí hỗ trợ cho Chương trình Sữa học đường năm học 2021-2022, 2022-2023*

Việc thực hiện hỗ trợ kinh phí mua sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tính đến hết năm học 2022-2023 đang được thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh[[1]](#footnote-1), cụ thể như sau:

- Diện A: hỗ trợ 75% đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ (có giấy xác nhận của chính quyền địa phương), trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi.

- Diện B: hỗ trợ 50%  đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học thuộc diện hộ cận nghèo theo tiêu chí hiện hành.

- Diện C: hỗ trợ 25%đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học không thuộc Diện (A, B) nhằm khuyến khích phụ huynh cho trẻ uống sữa tại trường.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì phối hợp với Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan thực hiện hỗ trợ tiền mua sữa theo đúng quy định. Tổng số kinh phí hỗ trợ từ ngân sách là 8.773.921.776 đồng, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 1.754.784.355 đồng *(100% kinh phí hỗ trợ đã được thanh quyết toán cho công ty cung cấp sữa theo quy định)*, cụ thể:

Biểu số liệu thể hiện kinh phí hỗ trợ mua sữa năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (đơn vị: Đồng)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên** | **Tổng số tiền** | **Tổng hỗ trợ từ ngân sách (VND)** | **Ngân sách huyện (VND) 80%** | **Ngân sách tỉnh (VND) 20%** | **Ghi chú** |
| 1 | Bắc Sơn | 2,342,462,547 | 398,143,031 | 318,514,425 | 79,628,606 |  |
| 2 | Bình Gia | 1,687,040,484 | 549,486,059 | 439,588,847 | 109,897,212 |  |
| 3 | Cao Lộc | 765,654,879 | 145,708,791 | 116,567,033 | 29,141,758 |  |
| 4 | Chi Lăng | 2,203,059,285 | 355,699,099 | 284,559,279 | 71,139,820 |  |
| 5 | Đình Lập | 501,759,248 | 134,772,036 | 107,817,629 | 26,954,407 |  |
| 6 | Hữu Lũng | 5,433,812,948 | 762,107,564 | 609,686,051 | 152,421,513 |  |
| 7 | Lộc Bình | 1,789,977,121 | 514,130,654 | 411,304,523 | 102,826,131 |  |
| 8 | Tràng Định | 1,551,510,307 | 266,345,840 | 213,076,672 | 53,269,168 |  |
| 9 | Văn Lãng | 1,155,513,727 | 235,773,236 | 188,618,589 | 47,154,647 |  |
| 10 | Văn Quan | 1,650,553,576 | 468,077,100 | 374,461,680 | 93,615,420 |  |
| 11 | Thành phố | 896,299,776 | 15,228,864 | 12,183,091 | 3,045,773 |  |
| **Tổng cộng** | | **19,977,643,898** | **3,845,472,274** | **3,076,377,819** | **769,094,455** |  |

Biểu số liệu thể hiện kinh phí hỗ trợ mua sữa năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (đơn vị: Đồng)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Huyện** | **Tổng tiền (VND)** | **Tổng ngân sách (VND)** | **Tiền ngân sách huyện (VND)** | **Tiền ngân sách tỉnh (VND)** | **Ghi chú** |
| 1 | Bắc Sơn | 2,222,582,472 | 433,058,142 | 346,446,514 | 86,611,628 |  |
| 2 | Bình Gia | 1,969,559,724 | 582,663,510 | 466,130,808 | 116,532,702 |  |
| 3 | Cao Lộc | 2,155,969,669 | 490,449,370 | 392,359,496 | 98,089,874 |  |
| 4 | Chi Lăng | 3,252,644,525 | 437,474,219 | 349,979,375 | 87,494,844 |  |
| 5 | Đình Lập | 523,392,275 | 154,277,631 | 123,422,105 | 30,855,526 |  |
| 6 | Hữu Lũng | 6,237,878,744 | 800,901,428 | 640,721,142 | 160,180,286 |  |
| 7 | Lộc Bình | 2,662,619,631 | 694,877,952 | 555,902,362 | 138,975,590 |  |
| 8 | Tràng Định | 1,838,185,421 | 330,050,926 | 264,040,741 | 66,010,185 |  |
| 9 | Văn Lãng | 1,593,327,156 | 315,408,776 | 252,327,021 | 63,081,755 |  |
| 10 | Văn Quan | 2,307,754,773 | 647,527,068 | 518,021,654 | 129,505,414 |  |
| 11 | Thành phố | 2,061,771,444 | 41,760,480 | 33,408,384 | 8,352,096 |  |
| **Tổng cộng** | | **26,825,685,834** | **4,928,449,502** | **3,942,759,602** | **985,689,900** |  |

Căn cứ thực tế thực hiện Chương trình Sữa học đường năm học 2021-2022 và 2022-2023 mức hỗ trợ trẻ mầm non, học sinh các diện A, B, C với mức chi nêu trên là phù hợp, do: Bám sát điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh khi thực tế trong các năm triển khai đã đảm bảo nguồn kinh phí địa phương trong quá trình thực hiện *(Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cấp đủ kinh phí của cấp tỉnh hỗ trợ triển khai thực hiện gồm: đấu thầu, truyền thông, kinh phí mua sữa (20%); Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố đảm bảo cân đối nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí mua sữa 80%)* không để xảy ra tỉnh trạng thiếu kinh phí khi thực hiện chương trình; Phù hợp với điều kiện kinh tế, thu nhập còn nhiều khó khăn của phụ huynh học sinh trên địa bàn tỉnh với đa số là lao động tham gia sản xuất nông nghiệp, ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Kinh phí hỗ trợ của nguồn kinh phí địa phương trong quá trình thực hiện Chương trình Sữa học đường đã góp phần hỗ trợ, khuyến khích phụ huynh học sinh đăng ký tham gia sử dụng sữa với tỷ lệ tăng theo từng năm *(năm học 2021-2022 đạt 28.56% đến năm 2022-2023 đã đạt 55.22% tăng 26.66%.*

Tại khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.”*

Do vậy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Nghị quyết về việc Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030 là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM** XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

**1. Mục đích**

Việc ban hành Nghị quyết nhằm xác định nguồn lực hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030.

**2. Quan điểm**

Quy trình xây dựng và ban hành Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch việc hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030, phù hợp với thực tế ngân sách của địa phương, mức hỗ trợ của doanh nghiệp, mức độ đảm bảo kinh phí của phụ huynh học sinh và các quy định hiện hành.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 589/TB-UBND ngày 24/11/2023, Sở GDĐT phối hợp, tham mưu xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Nghị quyết về việc Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030; xin ý kiến các Bộ GDĐT, Bộ Tài chính; Bộ Y tế xin ý kiến các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, Ủy ban MTTQ tỉnh Lạng Sơn, các cá nhân liên quan; đăng cổng thông tin điện tử tỉnh lấy ý kiến rộng rãi trong Nhân dân. Sở Tư pháp thực hiện thẩm định theo quy định, tổ chức họp chuyên đề xem xét nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Hồ sơ dự thảo đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh đã được UBND tỉnh xem xét, thảo luận tập thể, thông qua chính sách tại kỳ họp thường kỳ tháng 5/2024 (kỳ 1). Ngày 30/5/2024, UBND tỉnh đã ban hành Tờ trình số 92/TTr-UBND về việc Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030.

Thường trực HĐND tỉnh đã ban hành Văn bản số 597/TB-HĐND ngày 10/6/2024 thông báo ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030.

Dự thảo Nghị quyết đã được Đảng đoàn HĐND thẩm định tại Báo cáo số ….BC/ĐĐ ngày …/…/2024; xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Dự thảo Nghị quyết đã được hoàn thiện theo Kết luận phiên họp thẩm tra ngày … /… /2024 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh đối với các báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp … năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

1. **Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về việc hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030.

**2. Đối tượng áp dụng**

Trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai cung cấp sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030.

**IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT**

Dự thảo Nghị quyết gồm có 04 Điều, cụ thể như sau:

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về việc hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 - 2030.

**2.** **Đối tượng áp dụng**

a) Trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai cung cấp sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030.

**Điều 2.** **Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ**

**1. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ**

a) Chi hỗ trợ kinh phí mua sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024-2030 đối với các gia đình tự nguyện tham gia với định mức sử dụng sữa 01 hộp sữa tươi tiệt trùng có dung tích 110ml/ngày/trẻ mầm non, uống 05 lần/tuần, mỗi năm học không vượt quá 180 hộp/trẻ; 01 hộp sữa tươi tiệt trùng có dung tích 180ml/ngày/học sinh tiểu học, uống 03 lần/tuần, mỗi năm học không vượt quá 108 hộp/học sinh, tỷ lệ hỗ trợ cụ thể như sau:

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo, theo tiêu chí hiện hành, con thương binh, con liệt sĩ *(có giấy xác nhận của chính quyền địa phương)*, trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi được hỗ trợ 75% kinh phí mua sữa (*Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50%; Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa);* Phụ huynh đóng góp 25% kinh phí mua sữa.

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ cận nghèo theo tiêu chí hiện hành được hỗ trợ 50% kinh phí mua sữa *(Ngân sách nhà nước hỗ trợ là 25%; Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa);* Phụ huynh đóng góp 50% kinh phí mua sữa.

- Đối với trẻ mầm non và học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh không thuộc các đối tượng nêu trên được hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa *(Doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ);* Phụ huynh đóng góp 75% kinh phí mua sữa.

b) Chi cho các hoạt động tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030 thực hiện theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

**2. Thời gian hỗ trợ, hình thức hỗ trợ**

a) Thời gian hỗ trợ trong 06 năm học *(từ 2024-2025 đến 2029-2030)*: mỗi năm học thực hiện 09 tháng tính từ 01 tháng 9 năm trước đến 31 tháng 5 năm sau *(06 năm tương ứng với 54 tháng).*

b) Hình thức hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ mua sữa, chi cho các hoạt động tuyên truyền, kiểm tra, giám sát được cấp theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**Điều 3.** **Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trong đó:

1. Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 20% trong tổng nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ mua sữa cho trẻ giai đoạn 2024-2030 và 100% kinh phí chi cho các hoạt động tuyên truyền, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

2. Ngân sách cấp huyện, thành phố tự cân đối hỗ trợ đảm bảo 80% trong tổng nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ mua sữa cho trẻ giai đoạn 2024-2030.

**Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn Khóa……, Kỳ họp thứ ….. thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2024.

*Hồ sơ gửi kèm gồm:*

*(1) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024-2030.*

*(2) Báo cáo số 482/BC-SGDĐT ngày 21/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá tác động của chính sách Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 – 2030.*

*(3) Báo cáo số 944/BC-SGDĐT ngày 02/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá hiện trạng việc thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ kinh phí mua sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học thực hiện Chương trình sữa học đường năm học 2021-2022 và 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.*

*(4) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; bản chụp ý kiến góp ý;*

*(5) Dự thảo Nghị quyết Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024-2030;*

*(6) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;*

*(7) Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp thu giải trình ý kiến thẩm địng của Sở Tư pháp;*

*(8) Các tài liệu có liên quan.*

Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lãnh đạo Sở;  - Sở Tư pháp;  - Sở Tài chính;  - Các phòng cơ quan Sở GDĐT;  - Lưu: VT, VP (NHT). | **KT.GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Phan Mỹ Hạnh** |

1. Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 17/4/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc triển khai Chương trình Sữa học đường năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định 1845/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án gia hạn thực hiện hợp đồng đối với Gói thầu 3: Cung cấp sữa thuộc Chương trình Sữa học đường năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm học 2022-2023 [↑](#footnote-ref-1)